

Số: **353/2021/NQ-HĐND**

Đà Nẵng, ngày **12** tháng 4 năm 2021

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ 17

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định mức chi kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất biểu quyết thông qua.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Đối với khối lượng công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; căn cứ mức chi quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2021./. ~~car~~

#### **Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Vụ pháp chế: Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Đại biểu HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND thành phố; VP UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận/Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam các quận, huyện; HĐND, UBND phường, xã;
- Báo ĐN, Chuyên đề CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Lương Nguyễn Minh Triết**



Phụ lục

**ĐỊNH MỨC CHI CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **353** /2021/NQ-HĐND ngày **12** tháng 4 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp thành phố	Cấp quận, huyện	Cấp phường, xã	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chi tổ chức hội nghị</b>					
a	Chi tổ chức hội nghị và chi công tác phí		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố			Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.
	Chủ trì Hội nghị					
	Thành viên tham dự					
	Đối tượng phục vụ khác					
	Giải khát giữa buổi					
b	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố			Thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
<b>2</b>	<b>Chi bồi dưỡng các cuộc họp</b>					
a	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử; Ban bầu cử và Tổ bầu cử					
	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200.000	150.000	150.000	
	Thành viên tham dự và đại biểu khách mời	đồng/người/buổi	100.000	100.000	100.000	
	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử					
	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	100.000	100.000	
	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000	
	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
<b>3</b>	<b>Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử</b>					Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	150.000	150.000	
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	70.000	70.000	
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát					
	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000	
	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát					
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	2.500.000	1.500.000	1.000.000	
	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần	300.000	200.000	200.000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa: 1.000.000 đồng/người/văn bản
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	600.000	400.000	400.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp thành phố	Cấp quận, huyện	Cấp phường, xã	Ghi chú
4	Chi xây dựng văn bản					
-	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 123/2017/NQ-HĐND			
-	Chi xây dựng Kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử:					
+	Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/văn bản	2.000.000	1.400.000	1.400.000	
+	Chi tham gia ý kiến bằng văn bản của các cá nhân, chuyên gia	đồng/người/lần	300.000	200.000	200.000	Tổng mức chi xin ý kiến tối đa 1.000.000 đồng/người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử					
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng					
	Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, các Phó Trưởng ban Ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	2.200.000	1.800.000	1.500.000	- Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng theo thực tế; - Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chi được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.
	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Thành viên Ủy ban bầu cử, Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử; ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và các Ủy viên Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000	1.500.000	1.200.000	- Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
	Các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000	1.200.000	0	
	Trưởng ban, các phó trưởng ban Ban Chỉ đạo công tác bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	1.500.000	1.200.000	1.000.000	
	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	1.200.000	1.000.000	800.000	
	Thành viên Tổ giúp việc bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	1.000.000	800.000	500.000	
b	Đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, Tổ giúp việc); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);	đồng/người/ngày	100.000	100.000	100.000	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
c	Chi bồi dưỡng áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong 02 ngày (ngày trước bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000	
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động					- Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử; - Danh sách chi khoán hỗ trợ thực hiện theo Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp thành phố	Cấp quận, huyện	Cấp phường, xã	Ghi chú
-	Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử; Trưởng ban, các Phó Trưởng ban Ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	400.000	300.000	200.000	
	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Thành viên Ủy ban bầu cử, Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử; ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và các Ủy viên Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	300.000	200.000	200.000	
	Các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	250.000	200.000	0	
	Trưởng ban, các phó trưởng ban Ban Chỉ đạo công tác bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	400.000	300.000	300.000	
	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	300.000	200.000	200.000	
	Thành viên Tổ giúp việc bầu cử của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp	đồng/người/tháng	250.000	200.000	100.000	
	Các trường hợp cần thiết (Chủ tịch Ủy ban bầu cử quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động)	đồng/người/tháng	200.000	200.000	200.000	Mức khoán hỗ trợ tối đa
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử					
	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000	
	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	60.000	60.000	
	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000	
8	Chi đóng hòm phiếu	đồng/hòm phiếu			350.000	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)
9	Chi khắc dấu	đồng/dấu			250.000	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)
10	Chi băng niêm yết danh sách bầu cử	đồng/băng			2.000.000	Trường hợp chưa có băng niêm yết, hoặc băng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi tối đa)
11	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử thành phố			Thực hiện theo nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.		
12	Chi công tác tuyên truyền, in ấn			Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.		
13	Các nội dung chi khác			Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Chi văn phòng phẩm; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử và các nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử

